

Bản án số: 48/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm.

2. Bà Trần Thanh Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/9/2019 và Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 07/2019/TB-TA ngày 18/9/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **H**, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông **T**, sinh năm 1967; địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà **H** trình bày: Năm 1989 bà **H** và ông **T** cưới nhau theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, sống hạnh phúc được một thời gian và có 02 người con chung là **B**, sinh năm 1990, giới tính nữ và **V**, sinh năm 1994, giới tính nam. Trong quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi, ông **T** đánh đập, ngược đãi nên năm 2001 ông bà sống ly thân cho

đến nay. Nay tình cảm không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông T. Các con đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu gì về con. Bà và ông T không có tài sản và nợ chung. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2019 ông T trình bày:* Ông và bà H sống chung từ năm 1989 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Ông bà có 02 người con như lời trình bày của bà H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, ông thừa nhận có đánh đập bà H và ly thân cách nay khoảng hơn 18 năm. Ông thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà H. Ông và bà H không tài sản và nợ chung, ông không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn; các con đã trưởng thành nên cũng không có yêu cầu gì.

Các đương sự có đơn xin vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

** Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Ông T và bà H cưới nhau năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận ông bà là vợ chồng. Các con đã trưởng thành, ông bà khai không có tài sản và nợ chung, không yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H và ông T không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu giải quyết ly hôn nên Tòa án thụ lý vụ án giải quyết theo quy định tại Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ông T và bà H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H.

[2] Năm 1989 ông T và bà H cưới nhau theo phong tục tập quán, sống chung đến năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Bà H và ông T không đăng ký kết hôn nhưng nay có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bà H và ông T. Theo đó, bà H và ông T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng: Ông T và bà H khai có 02 người con chung là B, sinh năm 1990, giới tính nữ và V, sinh năm 1994, giới tính nam; hiện nay đã

trưởng thành. Ông T và bà H không ai có yêu cầu gì về con và cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Ông T và bà H đều khai không có tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[5] Án phí sơ thẩm: Bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Như vậy, bà H chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai đã thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 14, 53, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận là vợ chồng giữa bà H và ông T.

2. Án phí sơ thẩm: Bà H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000081 ngày 12/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận